

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/07/2019

V/v: Xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Mộng Hà.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Trần Công Danh- Cán bộ hưu trí
 2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:** Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXX-ST ngày 17/06/2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số 195/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/07/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1978
Địa chỉ: 401, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- **Bị đơn: Ông Phạm Quang D**, sinh năm: 1969
Địa chỉ: 401, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:** bà và ông Phạm Quang D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 1999 và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Quang H, sinh ngày: 01/08/2000; Phạm Quang H1, sinh ngày: 30/09/2005; Phạm Quang H2, sinh ngày: 30/07/2009. Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà H xin nuôi cháu H2, giao cháu H1 ông D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Do cháu Phạm Quang H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Tại bản tự khai bị đơn ông Phạm Quang D trình bày:** ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 1999 và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn, ông bà chỉ độc lập với nhau về kinh tế, tiền ai người đó chi tiêu. Nay bà H xin ly hôn ông không đồng ý vì gia đình vẫn hạnh phúc bình thường.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Quang H, sinh ngày: 01/08/2000; Phạm Quang H1, sinh ngày: 30/09/2005; Phạm Quang H2, sinh ngày: 30/07/2009. Nếu Tòa giải quyết ly hôn ông đồng ý với ý kiến bà H giao cháu H2 cho bà H nuôi dưỡng, ông sẽ nuôi cháu H1, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Do cháu Phạm Quang H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Quang H, sinh ngày: 01/08/2000; Phạm Quang H1, sinh ngày: 30/09/2005; Phạm Quang H2, sinh ngày: 30/07/2009. Giao cháu H2 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho ông D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Về tài sản chung+ nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Quang D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Quang D tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ hôn nhân của bà H, ông D là hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H: bà H xin ly hôn với ông D với lý do do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung, bà đã nhiều lần nói chuyện với ông D nhưng không có kết quả. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Tại bản khai ngày 26/03/2019 của ông D cho rằng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc chỉ là vợ chồng độc lập với nhau về kinh tế và tiền bạc, và nhiều năm vợ chồng không gần gũi nhau. Nay bà H xin ly hôn ông không đồng ý vì gia đình vẫn sống hạnh phúc và ông không muốn các con chịu thiệt thòi. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết ông D và bà H cũng có phát sinh mâu thuẫn từ lâu.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông D là có thật và thực sự đã đến mức trầm trọng bởi lẽ: quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông D chỉ còn trên danh nghĩa, bản thân ông D cũng thừa nhận giữa ông và bà H nhiều năm đã không có sự gần gũi với nhau, vợ chồng độc lập với nhau về mặt kinh tế, tiền bạc nên có dù trì quan hệ hôn nhân ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn với ông D là phù hợp.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Quang H, sinh ngày: 01/08/2000; Phạm Quang H1, sinh ngày: 30/09/2005; Phạm Quang H2, sinh ngày: 30/07/2009.

Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà H xin nuôi cháu H2, giao cháu H1 ông D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Ông D cũng thống nhất ý kiến với bà H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận. Do cháu Phạm Quang H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung+ nợ chung: bà H, ông D không có yêu cầu nên không

đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, khoản 2 điều 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Quang D

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Quang H, sinh ngày: 01/08/2000; Phạm Quang H1, sinh ngày: 30/09/2005; Phạm Quang H2, sinh ngày: 30/07/2009.

Giao cháu Phạm Quang H2, sinh ngày: 30/07/2009 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Quang H1, sinh ngày: 30/09/2005 cho ông D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Do cháu Phạm Quang H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Bà H, ông D được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004197 ngày 07/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhân:

-TAND tỉnh Đồng Nai (2);

-VKSND TP.BH(2);

-THA Dân sự (1);

-UBND Phường B,

-Đương sự (2)

-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mộng Hà

BÁO ÁN

Vụ án ly hôn giữa

- Nguyên đơn: Bà Cọc Thục Anh, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 1023/79, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Quang Hảo, sinh năm 1982

Địa chỉ: 1023/79, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

bà Anh và ông và ông Hảo tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã Suối Cát huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hảo

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Nhật Quỳnh, sinh ngày: 06/05/2006; Lê Nhật Phương, sinh ngày 04/11/2011; Lê Nhật Tuệ, sinh ngày: 13/04/2016. Nếu Tòa giải quyết ly hôn tôi xin nuôi 03 con chung, tạm thời không yêu cầu ông Hảo cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Hảo trình bày: **ông và bà Hảo** tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã Suối Cát huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, hai bên cũng có nhiều lần đánh nhau, cãi vã nhau. Nay bà Anh xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Nhật Quỳnh, sinh ngày: 06/05/2006; Lê Nhật Phương, sinh ngày 04/11/2011; Lê Nhật Tuệ, sinh ngày: 13/04/2016. Nếu Tòa giải quyết ly hôn tôi đồng ý giao 03 cháu cho bà Anh nuôi tạm thời tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quan điểm của thẩm phán chủ Tòa: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Anh

Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao 03 cháu cho bà Anh nuôi, ông Hảo không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết